

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 264/2022 /TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Ông **Trương Phúc K**, sinh năm 1967;
Cư trú: 63/38 BQ, tổ 26, Phường A, quận BT, TP. Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **Lưu Thị L**, sinh năm 1970;
Cư trú: 63/38 BQ, tổ 26, Phường A, quận BT, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/3/2022, thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/1998 ngày 21/11/1998 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Long An cấp cho ông Trương Phúc K và bà Lưu Thị L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau, nên đã ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Ông K và bà L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Theo bản sao Trích lục khai sinh số 233/TLKS-BS, ngày 13/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Long An cấp cho Trương Quang M, sinh ngày 21/10/1999 (nam) (đã trưởng thành); Theo bản sao Trích lục khai sinh số 233/TLKS-BS, ngày 13/4/2017 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Long An cấp cho Trương Quang K, sinh ngày 24/11/2002 (nam) (đã trưởng thành) đều thể hiện mẹ là bà Lưu Thị L và cha là ông Trương Phúc K.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, bà Lưu Thị L và ông Trương Phúc K phải chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Phúc K và bà Lưu Thị L thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/1998 ngày 21/11/1998 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Long An cấp cho ông Trương Phúc K và bà Lưu Thị L hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên: Trương Quang M, sinh ngày 21/10/1999 (đã trưởng thành), Trương Quang K, sinh ngày 24/11/2002 (đã trưởng thành).

1.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trương Phúc K và bà Lưu Thị L chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000645 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo